

Số: 20../KH-THCS.TX

Trường Xuân, ngày 02 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT tại Trường trung học cơ sở Trường Xuân, năm học 2025 – 2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (gọi tắt là Thông tư số 09);

Căn cứ Công văn số 4907/UBND-KGVX ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 60/SGDĐT-QLCL ngày 10/01/2026 của Sở GDĐT Đồng Tháp hướng dẫn thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường Trung học cơ sở Trường Xuân xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện minh bạch các thông tin về tổ chức, hoạt động giáo dục, tài chính, đội ngũ, cơ sở vật chất của nhà trường để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội biết, giám sát.

Tăng cường trách nhiệm giải trình của Trường Trung học cơ sở Trường Xuân đối với cơ quan quản lý và các bên liên quan.

Là căn cứ phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá của các cấp quản lý.

2. Yêu cầu

Nội dung công khai phải đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng quy định.

Thực hiện đúng hình thức, thời gian công khai theo Thông tư 09, hướng dẫn của Sở GDĐT và UBND xã Trường Xuân.

Có lưu trữ hồ sơ, minh chứng phục vụ kiểm tra.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Nhà trường thực hiện công khai theo Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 9 Thông tư 09, gồm:

1. Công khai thông tin chung về nhà trường

1.1. Tên của nhà trường

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các điểm trường khác của nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử của trường

1.3. Loại hình của nhà trường

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

1.5. Tóm tắt và hình thành, phát triển của nhà trường

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật

1.7. Tổ chức bộ máy của nhà trường

- Quyết định thành lập trường.

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường.

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường.

1.8. Các văn bản khác của nhà trường: Kế hoạch phát triển giáo dục; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; quy chế dân chủ; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

2. Công khai thu, chi tài chính

2.1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo qui định của pháp luật.

- Các khoản thu: Ngân sách xã giao, học phí của học sinh, mức thu ngoài học phí, lệ phí nếu có trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học trước khi tuyển sinh. Kinh phí tài trợ và hoạt động bên ngoài (nếu có), nguồn thu khác.

- Các khoản chi: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo.

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

2.4. Số dư các quỹ theo quy định.

2.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

2.6. Công khai báo cáo thường niên

Báo cáo tổng quan kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31/12 hằng năm.

Thực hiện theo Phụ lục I của Thông tư 09, định dạng PDF.

3. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

- Cơ cấu giáo viên theo môn học. Tình hình thừa, thiếu giáo viên.

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

3.2. Thông tin về CSVC và tài liệu học tập sử dụng chung

- Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mức độ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông. Các hạng mục đang đầu tư, sửa chữa (nếu có).

3.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

4. Công khai về kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

4.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường. Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6. Phương thức tuyển sinh. Đối tượng tuyển sinh. Danh sách học sinh trúng tuyển.

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường. Các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa.

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

III. HÌNH THỨC CÔNG KHAI

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường Trung học cơ sở Trường Xuân.

Xây dựng chuyên mục “Công khai – Minh bạch theo Thông tư 09”.

Đăng tải đầy đủ các nội dung công khai.

Nội dung hiển thị liên tục, không ẩn, không gỡ bỏ.

Có chữ ký, đóng dấu của Hiệu trưởng.

Thời gian lưu tối thiểu 05 năm

2. Công khai thông qua họp và văn bản

Phổ biến tại họp hội đồng sư phạm.

Phổ biến tại họp cha mẹ học sinh đầu năm học.

Lưu biên bản, tài liệu minh chứng.

3. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

IV. THỜI GIAN CÔNG KHAI

Công bố các nội dung công khai trước ngày 30/6 hằng năm.

Khi có thay đổi, cập nhật bổ sung trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có thông tin chính thức.

Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề trước ngày 30/6 hằng năm.

Thời gian lưu nội dung công khai trên website tối thiểu 05 năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường

- Tổ chức triển khai Quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đến phụ huynh học sinh và toàn thể CB-GV-NV và người lao động trong toàn trường.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, phân công trách nhiệm phụ trách đối với các thành viên.

- Xây dựng quy chế với các nội dung, thời gian và hình thức công khai của đơn vị theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ thực tế của đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể của năm học 2025-2026.

- Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Phòng VHXH, UBND xã Trường Xuân, Sở GDĐT; báo cáo kịp thời về Phòng VHXH, UBND xã Trường Xuân, Sở GDĐT.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai

- Ban Chỉ đạo của Trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; Phó Hiệu trưởng là các Phó trưởng ban; Kế toán, Văn thư, Tổ trưởng chuyên môn, Thủ quỹ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Bí thư chi đoàn, TPT Đội là các ủy viên của Ban chỉ đạo.

- Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu; báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính theo biểu mẫu đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Sở Giáo dục- Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

- Phó ban và các ủy viên giúp Trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của các cấp.

3. Phân công nhiệm vụ

3.1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và phân công đội ngũ,

CBQL, thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị; thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị, chịu trách nhiệm công khai CSVC, phối hợp cùng hiệu trưởng thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

3.2. Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục, cùng với hiệu trưởng thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị.

3.3. Kế toán

- Thực hiện các công khai về tài chính, học phí và các khoản thu mà nhà trường tổ chức thu tại nhà trường. Công khai các quỹ từ ngân sách, các quỹ khác trong nhà trường.

- Công khai các khoản thu, chi hằng năm: chi lương, chi thường xuyên, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, mức thu nhập hàng tháng của viên chức, người lao động trong nhà trường... mức thu chi thường xuyên, chi đầu tư, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trong nhà trường.

- Công khai các kết quả kiểm toán (nếu có).

3.4. Các Thành viên khác

Theo sự phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo nhà trường để phối hợp tổ chức thực hiện.

3.5. Tự kiểm tra

Nhà trường tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện công khai ít nhất 01 lần/năm.

Lập biên bản kiểm tra, lưu hồ sơ phục vụ thanh tra, kiểm tra

VI. TỔNG KẾT, BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá công tác công khai vào cuối năm học.

Lồng ghép nội dung đánh giá công khai trong báo cáo tổng kết năm học.

Thực hiện báo cáo khi có yêu cầu của Phòng VHXX, Sở GDĐT hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai năm học 2025-2026 của Trường Trung học cơ sở Trường Xuân. Các bộ phận, cá nhân được phân công nhiệm vụ thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH; (để b/c)
- CBQL, GV, NV;
- BCD để phối hợp thực hiện;
- Website trường; (để công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Nghị

Số: 17/QĐ-THCS.TX

Trường Xuân, ngày 02 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Tổ thực hiện công khai theo
Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ TRƯỜNG XUÂN

Căn cứ Thông tư số 32/TT-BGD-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân Quyết định tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười về trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân;

Căn cứ Công văn số 60/SGDĐT-QLCL ngày 10/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp về việc hướng dẫn thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Trường Xuân;

Xét yêu cầu tổ chức thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT tại Trường Trung học cơ sở Trường Xuân, gồm các ông (bà) có tên sau:

- Ông Nguyễn Hữu Nghị – Hiệu trưởng – Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Liễu – Phó Hiệu trưởng – Phó trưởng ban
- Bà Võ Thị Ngọc Huệ – Phó Hiệu trưởng – Phó trưởng ban
- Ông Võ Văn Trọng – Kế toán – Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích – Văn thư – Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Êm – TB.TTND – Ủy viên
- Ông Phạm Văn Cung – BTCĐ – Ủy viên
- Ông Nguyễn Tấn Huy – TPT đội – Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Hùng – Tổ trưởng chuyên môn KHTN – Ủy viên

10. Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – YTHĐ/TQ – Ủy viên

11. Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng – TKHĐ/Quản trị website – Ủy viên

(Có thể bổ sung hoặc điều chỉnh thành phần cho phù hợp thực tế của nhà trường)

Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ thực hiện công khai:

1. Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch công khai hằng năm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

2. Thu thập, tổng hợp, rà soát các thông tin cần công khai theo từng lĩnh vực:

Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên;

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;

Kế hoạch, chương trình giáo dục;

Chất lượng giáo dục;

Tài chính, các khoản thu – chi;

Tuyển sinh;

Chế độ, chính sách đối với học sinh;

Báo cáo thường niên của nhà trường.

3. Tổ chức thực hiện việc công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường bảo đảm:

Đúng nội dung, đúng thời hạn;

Công khai đầy đủ, liên tục, không để ỉn;

Có chữ ký, đóng dấu theo quy định;

Lưu trữ thông tin tối thiểu 05 năm.

4. Tham mưu tổ chức phổ biến các nội dung công khai tại các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp cha mẹ học sinh; lưu giữ đầy đủ biên bản, minh chứng.

5. Tham mưu tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện công khai ít nhất 01 lần/năm; lập biên bản và báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện.

Điều 3. Trưởng ban chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ủy viên; Phó trưởng ban giúp trưởng ban điều hành công việc khi được ủy quyền; các ủy viên chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH; (để b/c)
- CBQL, GV, NV;
- BCD để phối hợp thực hiện;
- Website trường; (để công khai);
- Lưu: VT.



Nguyễn Hữu Nghị

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ban chỉ đạo thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT Trường Trung học cơ sở Trường Xuân

1. Trưởng ban – Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm chung về toàn bộ công tác công khai của nhà trường.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch công khai hằng năm theo Thông tư 09.

Phê duyệt nội dung công khai trước khi đăng tải hoặc niêm yết.

Ký xác nhận, đóng dấu các biểu mẫu, văn bản công khai.

Chỉ đạo công tác tự kiểm tra việc thực hiện công khai ít nhất 01 lần/năm.

Chịu trách nhiệm giải trình với Phòng GDĐT, Sở GDĐT và các cơ quan có thẩm quyền về nội dung công khai của nhà trường.

2. Phó trưởng ban – Phó Hiệu trưởng

Giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ khi được phân công.

Trực tiếp phụ trách nội dung công khai về:

- Kế hoạch năm học;

- Kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Hoạt động dạy học, giáo dục;

- Chất lượng giáo dục (kết quả học tập, rèn luyện học sinh, tỷ lệ lên lớp, tốt nghiệp...).

Phối hợp kiểm tra, rà soát tính chính xác của các thông tin chuyên môn trước khi công khai.

Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công khai theo từng học kỳ, năm học.

3. Ủy viên – Kế toán và Thủ quỹ

Phụ trách toàn bộ nội dung công khai về tài chính, gồm:

Dự toán ngân sách nhà nước giao.

Quyết toán ngân sách năm học/năm tài chính.

Các khoản thu theo quy định.

Các khoản thu thỏa thuận, tài trợ, xã hội hóa (nếu có):

- Mục đích thu;

- Mức thu;

- Kết quả sử dụng;

- Quyết toán.

Chuẩn bị số liệu, biểu mẫu tài chính đúng quy định, rõ ràng, minh bạch.

Cung cấp thông tin kịp thời cho bộ phận quản trị website để đăng tải.

Lưu trữ đầy đủ hồ sơ tài chính liên quan đến nội dung công khai.

4. Ủy viên – Văn thư

Tham mưu ban hành các văn bản:

- Quyết định thành lập Tổ thực hiện công khai;

- Kế hoạch công khai;

- Các thông báo, báo cáo liên quan.

Quản lý, lưu trữ hồ sơ công khai:

- Văn bản công khai;

- Minh chứng đăng tải website;

- Biên bản họp phổ biến công khai;

- Biên bản tự kiểm tra.

Phối hợp lập danh mục hồ sơ công khai để phục vụ thanh tra, kiểm tra.

5. Ủy viên – Tổ trưởng chuyên môn

Phụ trách nội dung công khai liên quan đến chuyên môn, gồm:

Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng, cơ cấu môn học;

- Trình độ đào tạo;

- Chuẩn nghề nghiệp.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của tổ, bộ môn.

Chất lượng giáo dục theo bộ môn:

- Kết quả học tập học sinh;

- Các hoạt động chuyên môn tiêu biểu.

Cung cấp số liệu trung thực, kịp thời cho Tổ phó và bộ phận CNTT để đăng tải công khai.

6. Ủy viên – Phụ trách Công nghệ thông tin/Quản trị Website

Xây dựng chuyên mục riêng: “CÔNG KHAI – MINH BẠCH THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT” trên website trường.

Đăng tải đầy đủ các nội dung công khai theo đúng thời gian quy định (trước 30/6 hằng năm).

Đảm bảo:

- Nội dung hiển thị liên tục, không để chế độ ẩn;

- Dễ tìm kiếm, dễ theo dõi;
- Định dạng rõ ràng, khoa học.

Lưu trữ dữ liệu công khai trên website tối thiểu 05 năm.

Cung cấp minh chứng đăng tải (ảnh chụp màn hình, link) cho Văn thư lưu hồ sơ.

7. Ủy viên – TB.TTND, BTCĐ, TPT đội

Giám sát việc công khai đầy đủ, kịp thời, đúng nội dung, đúng hình thức và thời điểm theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

Theo dõi việc công khai các nội dung:

Điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;

Kế hoạch giáo dục, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học;

Tài chính, tài sản, các khoản thu – chi;

Công tác cán bộ, chế độ chính sách đối với nhà giáo, người lao động.

Đối chiếu nội dung công khai với hồ sơ, sổ sách, chứng từ, quyết định của nhà trường.

Phát hiện kịp thời các biểu hiện công khai chưa đầy đủ, chưa đúng quy định hoặc mang tính hình thức.

Tham gia góp ý đối với kế hoạch công khai, hình thức công khai của nhà trường.

Kiến nghị với Hiệu trưởng các biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện công khai.

Tổng hợp ý kiến phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh liên quan đến nội dung công khai.

Đề xuất xử lý khi phát hiện vi phạm nguyên tắc công khai, minh bạch.

8. Trách nhiệm phối hợp chung của các ủy viên

Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được phân công.

Cung cấp thông tin chính xác, đúng thời hạn.

Phối hợp trong các đợt tự kiểm tra công tác công khai của nhà trường.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về phần việc được giao.

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRƯỜNG XUÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRƯỜNG XUÂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Trường Xuân.

2. Địa chỉ: ấp 5B, xã Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ thư điện tử: thcstruongxuan.thapmuoi@dongthap.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://thcstruongxuan-truongxuan.portal-edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Trường hạng II theo Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* Sứ mạng: Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng, khám phá, trải nghiệm. Xây dựng môi trường giáo dục An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, truyền cảm hứng, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao, với phương châm "Cháu mạnh khỏe vui vẻ - Cô hạnh phúc – phụ huynh yên lòng".

* Tầm nhìn: Đến năm 2030 nhà trường đạt trường chuẩn quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Xây dựng lớp tiên tiến.

* Mục tiêu: Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả mong đợi theo VBHN số 01, trẻ có tính độc lập-sự tự tin-tính kỷ luật-sự tôn trọng-tinh thần hợp tác chia sẻ-tinh yêu thương nhân ái.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Trung học cơ sở Trường Xuân (tiền thân là Trường Trung học cơ sở Hưng Thạnh)

Trường được xây dựng vào năm 1977 tọa lạc tại ấp 4 xã Hưng Thạnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do sự đóng góp công sức của nhân dân xã Hưng Thạnh dưới sự điều hành của ban đại diện PHHS. Trường khai giảng khóa học đầu tiên vào năm học 1977 – 1978 với 02 lớp 6 gồm toàn bộ HS trong địa bàn xã, do thầy Nguyễn Gia Lợi làm Hiệu trưởng.

Từ năm học 1978 -1979 trường dời về cơ sở mới vẫn thuộc ấp 4 xã Hưng Thạnh với 5 phòng học do UNICEF tài trợ xây dựng.

Từ năm học 1979 – 1980 phát triển đủ 4 khối lớp của cấp 2 (7 lớp) do thầy Từ Phước Lại làm Hiệu trưởng.

Từ năm học 1980 -1981 trường được 8 lớp do thầy Nguyễn Văn Lưu làm hiệu trưởng.

Từ năm học 1981-1982 do yêu cầu phát triển của địa phương, xã Hưng Thạnh được tách làm 2 xã là Hưng Thạnh và Trường Xuân, từ đó trường đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trường Xuân, vẫn do thầy Nguyễn Văn Lưu làm Hiệu trưởng đến năm 1987.

Từ năm học 1988-1989 trường được 9 lớp do thầy Huỳnh Văn Dạ làm Hiệu trưởng.

Từ năm học 1989 -1990 trường được chuyển từ ấp 4 xã Trường Xuân sang ấp 5 xã Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp, do thầy Nguyễn Tấn Điểm làm Hiệu trưởng đến năm 2004. Từ năm học 2004 – 2005 trường nhô thêm 2 lớp 10 do thầy Mai Văn Bé Bảy làm hiệu trưởng.

Từ năm học 2005 – 2006 trường dời về cơ sở mới tọa lạc tại ấp 5B xã Trường Xuân, xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp do thầy Nguyễn Quy Hợp làm hiệu trưởng đến năm 2010.

Từ năm 2010–2020: Trường phát triển lên 22 lớp học, do cô Võ Thị Ngọc Huệ làm hiệu trưởng.

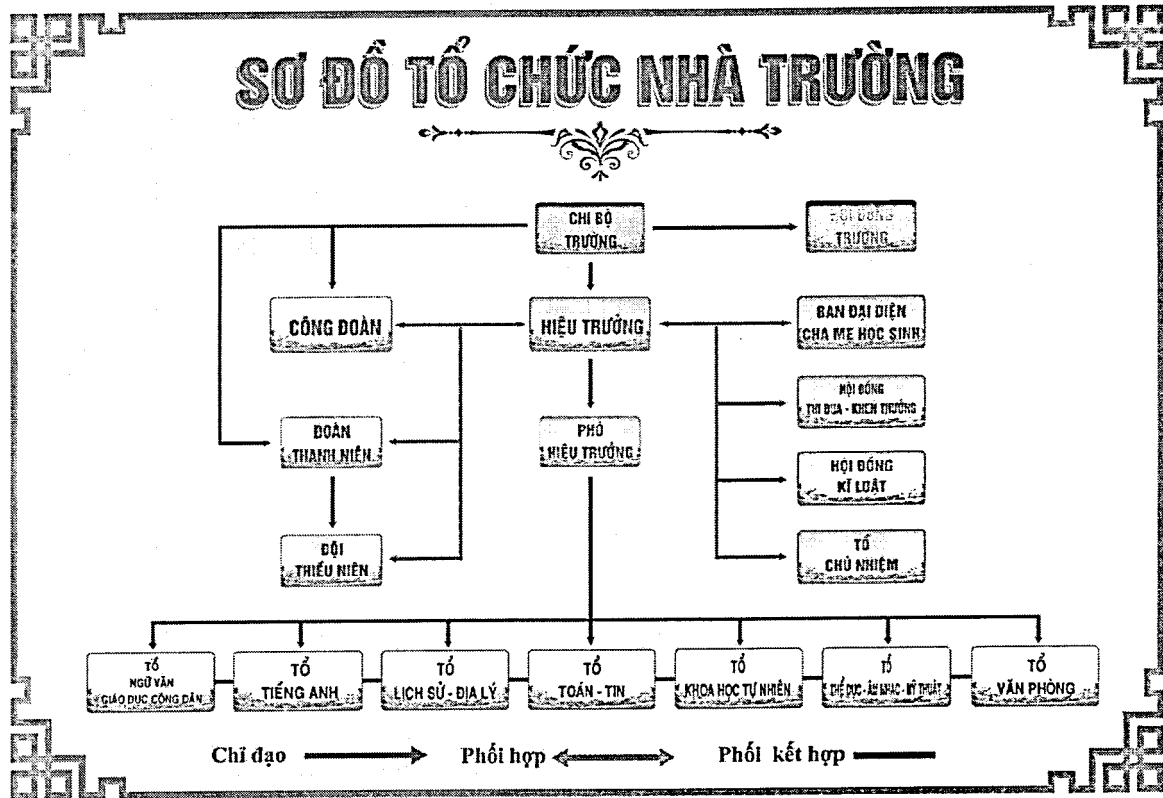
Từ 2020 đến nay: Hiệu trưởng là thầy Nguyễn Hữu Nghị. Mái trường này nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành và hiện đang giữ các cương vị công tác chủ chốt trong các tổ chức của Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp...

Qua gần 50 năm thành lập và tiếp tục phát triển, tiếp nối truyền thống Trường Trung học cơ sở Trường Xuân, thầy và trò trường đã không ngừng phấn đấu trong Dạy – Học và tham gia các hoạt động của ngành, địa phương và đạt nhiều thành tích cao đã được lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương và lãnh đạo ngành GD&ĐT các cấp ghi nhận.

Trong giai đoạn mới, phát huy truyền thống của mái trường có bề dày gần 40 năm hình thành và phát triển, tập thể thầy cô giáo các em học sinh Trường Trung học cơ sở Trường Xuân sẽ tiếp tục nỗ lực phấn đấu về mọi mặt để đạt nhiều thành tích cao hơn, xứng đáng với sự tin tưởng của lãnh đạo, chính quyền địa phương, nhân dân và phụ huynh học sinh trên địa bàn xã Trường Xuân nói riêng và xã Trường Xuân nói chung.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ:

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hữu Nghị – Hiệu trưởng;
 Người đại diện liên hệ: Võ Thị Ngọc Huệ – Phó Hiệu trưởng;
 Người đại diện liên hệ: Nguyễn Thị Liễu – Phó Hiệu trưởng;
 7. Tổ chức bộ máy:



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Số lượng: 45 người (Cán bộ quản lý: 3; Giáo viên: 36; Nhân viên: 6)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

ST T	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Đơn vị	Số lượng	Diện tích	Ghi chú
I	Dãy phòng cũ			754,00	
1	- Phòng học: 38m2/phòng x 15 phòng	phòng	15	570,00	
2	- Phòng họp tổ bộ môn	phòng	1	16,00	9.270
3	- Phòng họp tổ bộ môn	phòng	1	16,00	85.007
4	- Phòng Đoàn - Đội	phòng	1	38,00	788.014.890
5	- Phòng Nghe nhìn	phòng	1	38,00	
6	- Phòng Thư viện	phòng	1	76,00	
II	Dãy chức năng:			881,28	
1	- Văn phòng	phòng	1	25,92	
2	- Kho (văn phòng)	phòng	1	12,96	
3	- Phòng Phó Hiệu trưởng (Công đoàn)	phòng	1	12,96	
4	- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	Nhà	1	25,92	
5	- Phòng Hiệu trưởng (Phòng Họp tổ bộ môn văn)	phòng	1	25,92	
6	- Phòng Y tế	phòng	1	25,92	
7	- Phòng Giáo viên	phòng	1	51,84	
8	- Kho + phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	51,84	
9	- Phòng TN Vật lý (+ kho + phòng chuẩn bị)	phòng	1	103,68	
10	- Phòng TN Hóa học, Sinh học (+ kho + phòng chuẩn bị)	phòng	1	103,68	

11	- Phòng Hội đồng giáo viên (Tách ra 2 phòng: Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng)	phòng		51,84	
12	- Thư viện (Hội trường)	phòng	1	103,68	
13	- Phòng hoạt động Đoàn-Đội (Phòng phó hiệu trưởng)	phòng	1	25,92	
14	- Phòng truyền thống	phòng	1	51,84	
15	- Phòng Tin học	phòng	1	103,68	
16	- Phòng TN Công nghệ (+ kho + phòng chuẩn bị)	phòng	1	103,68	
	Kho + Phòng chuẩn bị (Của các phòng thí nghiệm)	phòng	1	25,92	Đã tính trong diện tích của các phòng TN
III	Nhà vệ sinh dành cho học sinh (hiện hữu)	Nhà	1	72,00	
IV	Phòng bảo vệ	phòng	1	6,00	
V	Trường rào	hạng mục	1	397.883 m	
VI	Hệ thống nước sạch	hạng mục	1	74,21 m	
VII	Sân chơi	hạng mục	1	1.235,44	
	+ Sân thể thao	hạng mục	2	243,74	
VII I	Diện tích sân đường nội bộ + hè + rãnh thoát nước	m2	1	3812,59	
IX	Diện tích thảm cỏ cây xanh	m2	1	3594,64	
X	Nhà ở công vụ (sau trạm Y Tế xã)	m2	1	192	
XI	Nhà ở công vụ (sau trạm Bưu điện xã)	m2	1	360	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Thời gian	Số quyết định, văn bản công nhận	
		Kiểm định chất lượng GD	Đạt trường chuẩn quốc gia
1			

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	819	213	264	195	147
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số %)	86,32	92,96	84,47	77,95	91,16
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số %)	13,19	7,04	14,02	22,05	8,84
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số %)	0,49	0,0	1,52	0,0	0,0
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số %)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	819	213	264	195	147
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số %)	29,91	43,66	23,48	26,15	26,53
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số %)	40,78	33,33	38,64	46,67	47,62
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số %)	29,30	23,0	37,88	27,18	25,85
4	Chưa Đạt (tỷ lệ so với tổng số %)	0,0	0,4	0,0	0,0	0,0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	819	213	264	195	147
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	9,27	12,20	7,95	10,76	5,44
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	20,63	31,45	15,53	15,38	21,08
2	Kiểm tra lại (tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
14	Chuyển trường đến/đi (tổng số)	3/15	0/3	0/7	1/2	2/3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	65	4	5	19	37
2	Cấp tỉnh/thành phố	17	1	2	6	8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	147	0	0	0	147
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	147	0	0	0	147
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng. (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	416/403	104/109	141/123	104/91	67/80
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	01

2. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo hướng dẫn số 290/HD-PGDĐT-NV ngày 06/5/2020 V/v Hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6 kể từ năm học 2019-2020.			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đạt chuẩn theo qui định			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Giáo dục 3 môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội. - Nghiêm túc, biết tự học, tự giáo dục trên cơ sở được giảng dạy của thầy và giáo dục của nhà trường.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Thực hiện tất cả các hoạt động theo chỉ đạo của ngành. - Vận động các nguồn hỗ trợ từ các mạnh thường quân.			
	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	1. Xếp loại phẩm chất : từ Đạt trở lên 100%. 2. Xếp loại năng lực: Tốt: 20.0% Khá: 45.0% Đạt: 35.0%.			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
V		Học sinh tốt nghiệp THCS: 100% Thi tuyển vào lớp 10 có hơn 70% (số hs đăng ký dự thi), không có học sinh điểm 0, và điểm bình quân của 3 môn cao hơn mặt bằng chung. Độ lệch điểm không quá 10%. (nếu có tổ chức thi). 3. Sức khỏe: 100% đạt yêu cầu về thể chất; 100% học sinh khám sức khỏe ban đầu.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Phần đầu có 70% học sinh vào lớp 10 THPT, 30% số còn lại học nghề, học tại các TTGDTX. - Duy trì sĩ số học sinh đạt tỉ lệ.			

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính các khoản thu, chi hoạt động như sau:

* Ngân sách: Năm 2025

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **nguồn 13:** 0 đồng.
- Kinh phí giao đầu năm: 10.395.000.000 đồng.
- Kinh phí tăng, giảm trong năm: -15.000.000 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng: 9.851.894.015 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau: **528.105.985 đồng.**
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **nguồn 12:** 37.097.000 đồng.
- Kinh phí giao đầu năm: 40.000.000 đồng.
- Kinh phí tăng, giảm trong năm: 73.282.000 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng: 108.240.850 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau: **42.138.150 đồng.** (hủy dự toán)

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **nguồn 15:** 0 đồng.

- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng.
- Kinh phí tăng, giảm trong năm: 235.308.304 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng: 173.200.000 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau: **62.108.304 đồng.**
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **nguồn 18:** 0 đồng.
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng.
- Kinh phí tăng, giảm trong năm: 501.704.000 đồng.
- Kinh phí đã sử dụng: 501.704.000 đồng.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau: **0 đồng.**

* Nguồn khác:

- Nguồn thu Học phí năm học 2024-2025:

Tồn đầu kỳ: 81.155.936 đồng.

Thu: 258.606.250 đồng.

Chi: 313.804.403 đồng.

Tồn cuối kỳ: **25.957.783 đồng.**

- Nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2025:

Tồn đầu kỳ: **70.008.405 đồng.**

Thu: 53.205.828 đồng.

Chi: 12.789.672 đồng.

Tồn cuối kỳ: **110.424.561 đồng.**

- Nguồn thu dịch vụ Căn tin năm 2025:

Tồn đầu kỳ: 19.085.664 đồng

Thu: 130.300.000 đồng

Chi: 146.019.520 đồng.

Tồn cuối kỳ: 3.366.144 đồng.

- Lãi tiền gửi 3714 năm 2025

Tồn đầu kỳ: 181.649 đồng.

Thu: 379.186 đồng.

Chi: 218.053 đồng.

Tồn cuối kỳ: 247.775 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	Nội dung	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028
1	Học phí	Miễn. Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 450.000 đồng/học sinh/năm học	Miễn. Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 450.000 đồng/học sinh/năm học	Miễn. Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 450.000 đồng/học sinh/năm học
2	Dạy thêm học thêm: buổi 2 - Tiếng Anh tăng cường (Khối 6+7)	0	260.000 đồng/khóa học	260.000 đồng/khóa học
3	Dạy thêm học thêm: buổi 2 - Toán, Ngữ văn, Tiếng anh (Khối 9)	0	810.000 đồng/khóa học	810.000 đồng/khóa học
4	Phù hiệu, áo quần đồng phục, áo quần thể dục.	Trường thống nhất mẫu để CMHS tự lựa chọn trang bị.	Trường thống nhất mẫu để CMHS tự lựa chọn trang bị.	Trường thống nhất mẫu để CMHS tự lựa chọn trang bị.
5	Sổ liên lạc điện tử	60.000 đồng/học sinh/năm	60.000 đồng/học sinh/năm	60.000 đồng/học sinh/năm
6	Học bạ	Thực hiện học bạ điện tử	Thực hiện học bạ điện tử	Thực hiện học bạ điện tử
7	Bảo hiểm y tế (BHYT)	505.440 đồng/học sinh/năm	505.440 đồng/học sinh/năm	505.440 đồng/học sinh/năm
8	Bảo hiểm tan nạn (BHTN)	200.000 đồng/học sinh/năm	200.000 đồng/học sinh/năm	200.000 đồng/học sinh/năm
19	Hội phí	Tự nguyện đóng góp	Tự nguyện đóng góp	Tự nguyện đóng góp

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Năm 2023:

Cấp bù học phí	Số lượng Hỗ trợ 50% học phí (Cận nghèo)	Số tiền	Số lượng Miễn học phí (Hộ nghèo)	Số tiền	Tổng số đối tượng	Tổng số tiền
HK II 22-23	16	2.000.000	3	750.000	19	2.750.000
HK I 23-24	17	1.190.000	7	980.000	24	2.170.000
Tổng cộng	33	3.190.000	10	1.730.000	43	4.920.000
Hỗ trợ chi phí học tập						
HK II 22-23					3	2.250.000
HK I 23-24					6	3.600.000
Tổng cộng					9	5.850.000

Năm 2024:

Cấp bù học phí	Số lượng Hỗ trợ 50% học phí (Cận nghèo)	Số tiền	Số lượng Miễn học phí (Hộ nghèo)	Số tiền	Tổng số đối tượng	Tổng số tiền
HK II 23-24	3	262.500	3	525.000	6	787.500
HK I 24-25	10	350.000	6	420.000	16	770.000
Tổng cộng	13	612.500	9	945.000	22	1.557.500
Hỗ trợ chi phí học tập						
HK II 23-24					3	2.250.000
HK I 24-25					3	1.800.000
Tổng cộng					6	4.050.000

Năm 2025:

Cấp bù học phí	Số lượng Hỗ trợ 50% học phí (Cận nghèo)	Số tiền	Số lượng Miễn học phí (Hộ nghèo)	Số tiền	Tổng số đối tượng	Tổng số tiền
HK II 24-25	7	306.250	2	175.000	9	481.250
HK I 25-26	10	350.000	10	700.000	20	1.050.000
Tổng cộng	17	656.250	12	875.000	29	1.531.250

Cấp bù học phí	Số lượng Hỗ trợ 50% học phí (Cận nghèo)	Số tiền	Số lượng Miễn học phí (Hộ nghèo)	Số tiền	Tổng số đổi tượng	Tổng số tiền
Hỗ trợ chi phí học tập						
HK II 24-25					2	1.500.000
HK I 25-26					10	6.000.000
Tổng cộng					12	7.500.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Nghị